

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 197/2018/QĐST-HNGĐ

Ba Đình, ngày 23 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2018/TLST-VHNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn” giữa người yêu cầu:

- Chị **Tăng Thị T**, sinh năm 1978; Đăng ký hộ khẩu: số 6, tổ 2, phố KM. phường C, quận B, thành phố Hà Nội; Nơi ở: số 39, ngõ 294/11/6 phố Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

- Anh **Dương Văn C**, sinh năm 1975; Đăng ký hộ khẩu: số 6, tổ 2, phố KM. phường C, quận B, thành phố Hà Nội; Nơi ở: số 39, ngõ 294/11/6 phố Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Chị Tăng Thị T và anh Dương Văn C có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 5 năm 1997 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố Hà Nội (số 102/1997; Quyền số: I).

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Tăng Thị T** và anh **Dương Văn C**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về con chung:**

Vợ chồng có ba con chung là cháu **Dương Tuấn A**, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1997 cháu đã chết 29/01/2002, cháu **Dương Minh Đ**, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2003 và cháu **Dương Tú U**, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2007. Vợ chồng thỏa thuận để anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu U và không yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Đ vợ chồng đã đồng ý làm thủ tục cho làm con nuôi của bà Tăng Thị D nên chúng tôi không yêu cầu giải quyết.

Chị Tăng Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

*** Về tài sản chung và nhà ở:**

- Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về các khoản vay nợ: Hai bên không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

*** Về lệ phí sơ thẩm:** Anh Dương Văn C tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 8355 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường C, quận B, thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long